

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP - Địa chỉ: số 60-66, đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sa La, Phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. - Điện thoại: 028 3636 7449 Fax: 028 3636 7450.
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: xã Kim Đông, tỉnh Ninh Bình
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: Không có
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: <i>không áp dụng</i>
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Hỗn hợp. Trong đó: - Khảo sát phục vụ lập BCNCKT: Theo đơn giá cố định. - Các hạng mục còn lại: Trọn gói.
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. (1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu. (2) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.
E-ĐKC 10	10.1. Tạm ứng - Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu là 15% giá trị hợp đồng trước thuế GTGT tương ứng với số tiền là đồng, số tiền bằng chữ là: trong vòng 15 ngày sau khi nhận đủ các hồ sơ sau: a) Chủ đầu tư nhận được yêu cầu tạm ứng từ Nhà thầu; b) Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh tạm ứng theo khoản 10 ĐKC với số tiền và loại tiền tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh này phải tuân thủ theo qui định trong hợp đồng này,

không được hủy ngang và được Chủ đầu tư chấp thuận. Bảo lãnh tạm ứng là loại bảo lãnh vô điều kiện.

Nhà thầu đảm bảo rằng Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực cho tới khi khoản tiền tạm ứng được khấu trừ hết, tuy nhiên số tiền từng đợt có thể giảm tương ứng số tiền Nhà thầu khấu trừ trong từng đợt thanh toán. Nếu trong bảo lãnh nêu rõ ngày hết hạn mà đến ngày thứ 28 trước ngày hết hạn, tổng số tiền tạm ứng chưa được khấu trừ hết thì Nhà thầu phải gia hạn thời gian hiệu lực của bảo lãnh cho đến khi tổng số tiền tạm ứng được khấu trừ hết.

Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách khấu trừ theo tỉ lệ từ các khoản thanh toán đến hạn. Việc khấu trừ này sẽ được thực hiện theo tỷ lệ khấu trừ 15% của giá trị phần công việc đã thực hiện, cho đến khi tiền tạm ứng được hoàn ứng hết.

- Khấu trừ tạm ứng: Tiền tạm ứng sẽ được khấu trừ toàn bộ khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

10.2. Thanh toán

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: VND.

- Số lần thanh toán và Thời hạn thanh toán:

1. Tiến độ thanh toán: trong vòng 15 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Trong đó:

- Đối với phần đơn giá cố định: Thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu tương ứng từng đợt thanh toán. Cụ thể:

+ Đợt 1: Chủ đầu tư thanh toán đến 70% giá trị phần đơn giá cố định (bao gồm khấu trừ toàn bộ tạm ứng phần đơn giá cố định) sau khi Chủ đầu tư có văn bản chấp thuận báo cáo kết quả khảo sát.

+ Đợt 2: Chủ đầu tư thanh toán đến 90% giá trị phần đơn giá cố định sau khi hồ sơ BCNCKT được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với phần trọn gói: Thanh toán được thực hiện theo tỷ % giá trị hợp đồng phần trọn gói được nghiệm thu tương ứng với đợt thanh toán. Cụ thể:

+ Đợt 1: Chủ đầu tư thanh toán đến 70% giá trị hợp đồng phần trọn gói (bao gồm khấu trừ toàn bộ tạm ứng phần trọn gói) sau khi tư vấn thẩm tra có văn bản thống nhất và nhà thầu hoàn thiện hồ sơ trình Chủ đầu tư phê duyệt;

+ Đợt 2: Chủ đầu tư thanh toán đến 90% giá trị hợp đồng phần trọn gói sau khi hồ sơ BCNCKT được cấp thẩm quyền phê duyệt

	- Quyết toán và thanh lý hợp đồng: Phần còn lại giá trị hợp đồng sẽ được thanh toán sau khi nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng. 2. Hồ sơ thanh toán: + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu phù hợp với nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện theo hợp đồng; + Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng; + Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng; + Đề nghị thanh toán của Tư vấn cần thể hiện các nội dung: giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh ngoài hợp đồng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Tư vấn; + Hóa đơn GTGT hợp lệ; + Về biểu mẫu thanh toán nhà thầu có trách nhiệm lập theo đúng quy định hiện hành của Việt Nam.
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: <i>Không áp dụng</i>
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (<i>không bao gồm thời gian hiệu chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của chủ đầu tư/người có thẩm quyền</i>) đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng. Trong đó: - Thời gian thực hiện công việc tư vấn: trong vòng 04 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (<i>không bao gồm thời gian hiệu chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của chủ đầu tư/ người có thẩm quyền</i>). - Thời gian nghiệm thu hoàn thành dự kiến: trong vòng 01 tháng kể từ ngày nhà thầu hoàn thành công việc. - Thời gian quyết toán gói thầu dự kiến: trong vòng 01 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành.
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: <i>07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh.</i>
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: _____ [<i>ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật</i>].
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: <i>07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư.</i>
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT</i>].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT</i>].

E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : Không áp dụng.
E-ĐKC 17	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng. a. Trong trường hợp Bên B vi phạm về thời hạn thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên A gây ra thì Bên B sẽ chịu phạt vi phạm như sau: ➤ Phần Đơn giá cố định: - Mỗi ngày chậm phạt 0,1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. - Tổng số tiền phạt không quá 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. ➤ Phần trọn gói: - Mỗi ngày chậm phạt 0,1% giá trị hạng mục trọn gói bị vi phạm. - Tổng số tiền phạt không quá 8% giá trị hạng mục trọn gói bị vi phạm. b. Trong trường hợp Bên B vi phạm do không hoàn thành đủ số lượng sản phẩm hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu quy định trong hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đủ và đúng chất lượng. Việc làm lại này không được phép kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng. Toàn bộ chi phí liên quan đến việc làm lại do Bên B chịu và Bên B bị phạt 8% giá trị phần hợp đồng vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt theo quy định phạt chậm tiến độ nêu trên. c. Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng thì sẽ bị phạt một khoản tiền trị giá 8% giá trị hợp đồng và không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng đã nộp cho Bên A theo Điều 5ĐKC của hợp đồng. d. Nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành Hợp đồng theo tiến độ quá thời gian một tháng hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Bên A có quyền đơn phương xem xét việc chấm dứt Hợp đồng và phạt Bên B 8% giá trị hợp đồng. Tổng số tiền phạt vi phạm hợp đồng không quá 8% giá trị hợp đồng. Số tiền phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) sẽ được khấu trừ vào giá trị hợp đồng mà Bên A phải thanh toán cho Bên B. Và khi đó, thời hạn thanh toán hợp đồng sẽ được tính từ ngày hai Bên ký Biên bản về việc phạt vi phạm trách nhiệm thực hiện hợp đồng.

	2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; - Mức bồi thường, phương thức bồi thường: + Mức bồi thường = chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng. Trong đó: • Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do bên Nhà thầu gây ra (do thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, thay đổi thiết kế,... dẫn đến khi thi công xong phải đập bỏ, thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố,) (trường hợp nhà thầu tự thực hiện thì không phải bồi thường chi phí này). • Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng: chi phí lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng. + Phương thức bồi thường: Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền bồi thường từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu hoặc yêu cầu Nhà thầu thanh toán chi phí bồi thường.
E-ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: - Nhà thầu bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của bên giao thầu. - Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương. - Nhà thầu tư vấn không thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng ký kết. - Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư, đại diện Chủ đầu tư. - Nếu trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ của Tư vấn khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Tư vấn vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó. - Tư vấn tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng. - Các sai phạm khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
E-ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: - Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của nhà thầu về sai sót hoặc chậm trễ trong việc thực hiện các nghĩa vụ của Chủ đầu tư theo Hợp đồng mà Chủ đầu tư vẫn không có phúc đáp về các sai sót hoặc chậm trễ đó; hoặc - Chủ đầu tư rơi vào tình trạng phá sản hoặc giải thể; hoặc

	- Chủ đầu tư tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng. - Các lỗi khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: - Thời gian Hòa giải: Trong vòng 30 ngày, các Bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết các tranh chấp hoặc bất đồng phát sinh liên quan đến Hợp đồng bằng cách thương thảo trực tiếp. - Tòa án: + Nếu sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra tranh chấp mà các Bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết các tranh chấp theo Hợp đồng thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra tòa án có thẩm quyền của TP.HCM để giải quyết.
E-ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP; số 60-66, đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sa La, Phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh. + Điện thoại: 028 3636 7449. + Fax: 028 3636 7450. - Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____